TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự Do – Hạnh phúc

Bản án số: 70/2020/DS-ST
Ngày: 29-9-2020
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Nô;

2. Ông Nguyễn Văn Thảo.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Đình Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 44/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2020 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2020/QĐXXST-DS ngày 26/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2020/QĐST-DS ngày 11/9/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thụy Tú N, sinh năm 1977; nơi thường trú: 56B/2 khu phố T, phường A, thị xã Th, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Hồ Thúy D, sinh năm 1995; thường trú: Xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông và bà Nguyễn Thúy Q, sinh năm 1997; thường trú: Xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; cùng địa chỉ liên lạc: Số 5, đường Nguyễn Văn T, khu phố B, thị xã Th, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 25/11/2019). Có mặt.

- Bị đơn: Bà Lê Ngọc M, sinh năm 1977; địa chỉ: Khu phố C, phường Th, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thụy Tú N và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Hồ Thúy D, bà Nguyễn Thúy Q thống nhất trình bày:

Bà Nguyễn Thụy Tú N và bà Lê Ngọc M có quan hệ quen biết với nhau. Bà M có nhu cầu cần tiền để làm ăn buôn bán nên đã hỏi vay bà N. Ngày 25/8/2018, sau khi

thỏa thuận, các bên thống nhất bà M vay của bà N số tiền 400.000.000 đồng. Việc vay mượn có lập thành văn bản và các bên đã ký tên, lăn tay vào Hợp đồng cho vay tiền ngày 25/8/2018, bà M đã nhận đủ số tiền vay 400.000.000 đồng. Nội dung hợp đồng vay là bà M vay của bà N số tiền 400.000.000 đồng trong thời hạn 01 năm tính từ ngày 01/9/2018 đến ngày 31/8/2019, lãi suất là 5%/tháng.

Tuy nhiên, sau khi nhận đủ số tiền vay, bà M đã không thực hiện đúng thỏa thuận trả lãi như đã cam kết. Hết thời hạn vay, bà M cũng không trả lại số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng cho bà N. Bà N đã nhiều lần liên hệyêu cầu bà M thanh toán tiền nợ vay và lãi hàng tháng nhưng bà M vẫn không thực hiện. Do đó, bà Nguyễn Thụy Tú N khởi kiện bà Lê Ngọc M, yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau đây:

Buộc bà Lê Ngọc M phải trả cho bà Nguyễn Thụy Tú N số tiền nợ gốc theo Hợp đồng cho vay tiền ngày 25-8-2018 là 400.000.000 đồng

Buộc bà Lê Ngọc M phải thanh toán cho bà Nguyễn Thụy Tú N nợ lãi phát sinh trên nợ gốc tính từ ngày 01/9/2018 đến ngày 01/12/2019 (15 tháng) với lãi suất 0,83%/tháng là 400.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 15 tháng = 49.800.000 đồng.

Tổng số tiền bà N yêu cầu bà M trả là 449.800.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa, người đại diện ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 02/12/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 29/9/2020. Đồng thời xác định, trong Hợp đồng cho vay tiền ngày 25/8/2018 có thể hiện nội dung khi vay tiền, bà M thế chấp cho bà N Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB038865, tuy nhiên do cần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay vốn làm ăn nên bà M đã yêu cầu bà N trả lại, do là chỗ quen biết bạn bè nên bà N đã trả lại cho bà M, không còn giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên nữa.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên toà phát biểu quan điểm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Xác định trong quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán đã tiến hành các trình tự thủ tục tố tụng đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự thủ tục phiên tòa.

- Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án dân sự về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" mà bị đơn có nơi cư trú tại khu phố C, phường Th,

thị xã T, tỉnh Bình Dương theo biên bản xác minh ngày 17/7/2020. Căn cứ vào Điều 26, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T.

[2] Về việc vắng mặt của bị đơn: Xét thấy, bị đơn đã được Tòa án nhân dân thị xã T triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Nguyên đơn bà bà Nguyễn Thụy Tú N khởi kiện bị đơn bà Lê Ngọc M yêu cầu bị đơn trả tiền vay là 400.000.000 đồng và nợ lãi phát sinh là 49.800.000 đồng. Bà N cung cấp chứng cứ là Hợp đồng cho vay tiền ngày 25/8/2018, xác định chữ ký bên vay là bà Lê Ngọc M. Theo biên bản xác minh ngày 17/7/2020, bị đơn bà M đang cư trú tại khu phố C, phường Th, thị xã T, tỉnh Bình Dương, tuy nhiên Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn đều không có mặt, như vậy bà M đã từ bỏ quyền chứng minh của bị đơn đối với các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án. Tòa án triệu tập hợp lệ bà M tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bà vẫn không có mặt là đã từ bỏ quyền phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, có căn cứ xác định bà M không có ý kiến phản đối đối với chứng cứ nguyên đơn cung cấp và đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Theo nội dung hợp đồng cho vay tiền ngày 25/8/2018, các bên thỏa thuận hợp đồng vay tài sản là hoàn toàn tự nguyện, số tiền vay là 400.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 01/9/2018 đến ngày 31/8/2019. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có căn cứ xác định đến nay người vay tiền bà Lê Ngọc M không thanh toán số tiền gốc và lãi đúng thời hạn, vi phạm thỏa thuận vay tiền, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu thanh toán tiền vay là phù hợp với Điều 466 Bộ luật dân sự.

[3] Về lãi suất chậm trả: Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn xác định sau khi nhận tiền vay thì bà M chưa thanh toán tiền lãi hàng tháng theo thỏa thuận cho nên nguyên đơn yêu cầu bà M thanh toán tiền lãi từ ngày 01/9/2018 đến ngày 01/12/2019 với lãi suất 0,83%/tháng mà không yêu cầu thanh toán lãi suất theo hợp đồng vay là 5%/tháng. Đồng thời, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi từ ngày 02/12/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm, xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Như vậy, bị đơn bà Lê Ngọc M phải thanh toán cho nguyên đơn bà Nguyễn Thụy Tú N số tiền nợ gốc theo Hợp đồng cho vay tiền ngày 25/8/2018 là 400.000.000 đồng và nợ lãi phát sinh trên nợ gốc từ ngày 01/9/2018 đến ngày 01/12/2019 với lãi suất 0,83%/tháng là 400.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 15 tháng = 49.800.000 đồng. Tổng cộng là 449.800.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng).

[5] Từ những phân tích trên, xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 37; Điều 92; Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 243; Điều 244; Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 465, 466, 470 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thụy Tú N về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn bà Lê Ngọc M như sau:

1.1 Về nghĩa vụ thanh toán: Bà Lê Ngọc M phải thanh toán cho bà Nguyễn Thụy Tú N số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng cho vay tiền ngày 25/8/2018, bao gồm các khoản tiền sau:

- Nợ gốc: 400.000.000 đồng;

- Nợ lãi tính từ ngày 01/9/2018 đến ngày 01/12/2019 (15 tháng) với lãi suất 0,83%/tháng là 400.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 15 tháng = 49.800.000 đồng.

Tổng số tiền bà Lê Ngọc M phải thanh toán cho bà Nguyễn Thụy Tú N là 449.800.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng).

1.2 Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Nguyễn Thụy Tú N về việc không yêu cầu bị đơn bà Lê Ngọc M thanh toán tiền lãi từ ngày 02/12/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền trên thì còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thụy Tú N không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thụy Tú N số tiền 10.996.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0037702 ngày 03/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn bà Lê Ngọc M phải nộp 21.992.000 đồng (Hai mươi mốt triệu chín trăm chín mươi hai nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Tâm